TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 707/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 669/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Trọng N**, sinh ngày: 01/09/1997, Căn cước: 079097028121do Bộ C cấp ngày 19/09/2025.

Nơi cư trú: 6 B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 6 B, khu phố F, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh ngày 22/02/1996, Căn cước công dân: 079196023543 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021.

Nơi cư trú: D U, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 37 đường C P, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đỗ Trọng N và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Trọng N và bà Nguyễn Thị Ngọc H thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2018 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Đỗ Trọng N và bà Nguyễn Thị Ngọc H xác nhận có 01 con chung là cháu Đỗ Lam P, sinh ngày 11/8/2014.

Ông Đỗ Trọng N và bà Nguyễn Thị Ngọc H thỏa thuận giao cháu Đỗ Lam P, sinh ngày 11/8/2014 cho ông Đỗ Trọng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Lam P, sinh ngày 11/8/2014 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 05/5/2026.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi ông Đỗ Trọng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc H chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Ông Đỗ Trọng N và bà Nguyễn Thị Ngọc H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông Đỗ Trọng N và bà Nguyễn Thị Ngọc H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ông Đỗ Trọng N tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0022095 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Đỗ Trọng N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Khu vực 10 – TP. HCM (1);
- Thi hành án dân sự TP. HCM (1);
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1) ;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Dương

